

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **896/NHCS - TDNN**
V/v: Chăm điểm đánh giá phân
loại Tổ TK&VV

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng
Chính sách xã hội các tỉnh, thành phố.

Để phù hợp với yêu cầu hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH). Hội sở chính NHCSXH đã cùng với 04 tổ chức Hội, Đoàn thể Trung ương tổ chức, rà soát, bổ sung một số tiêu chí chăm điểm đánh giá phân loại Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV). Thông qua kết quả bàn bạc, thảo luận và thống nhất, nay NHCSXH chính thức ban hành Biểu mẫu đánh giá phân loại Tổ TK&VV (theo mẫu đính kèm).

Tổng giám đốc yêu cầu Giám đốc các chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố chỉ đạo các phòng giao dịch NHCSXH huyện, quận phối hợp với các tổ chức Hội, Đoàn thể các cấp thực hiện thống nhất việc đánh giá phân loại chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV theo các tiêu chí và thang điểm quy định này để làm cơ sở xếp loại thi đua, củng cố, tập huấn hàng năm.

Nhận được công văn này, yêu cầu Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. / Đinh

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hội LHPNVN, Hội Nông dân VN } để phối
- Hội CCBVN, Đoàn TNCS HCM; } hợp TH
- Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc;
- Trưởng Ban Kiểm soát; Kế toán trưởng;
- Các phòng ban tại Hội sở chính;
- Trung tâm đào tạo;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu Văn thư, Ban TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý

Phòng giao dịch NHCSXH:.....

Xã (phường, thị trấn):.....

Hội:

Tổ TK&VV:

BIỂU CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ TK&VV

Thời điểm

I. Các tiêu chí chấm điểm

TT	Nội dung	Thang điểm	Chấm điểm
1	<i>Thành lập Tổ TK&VV</i>	10	
1.1	<i>Thành lập Tổ TK&VV</i>	5	
-	Tổ TK&VV thành lập theo địa bàn thôn, khu phố, ấp, bản, buôn... (gọi chung là thôn) có Quy ước hoạt động, được UBND cấp xã chấp thuận cho phép hoạt động.	5	
-	Tổ TK&VV thành lập không đúng theo địa bàn thôn; Tổ không có Quy ước hoạt động; thiếu hồ sơ pháp lý của Tổ.	0	
1.2	<i>Ban quản lý Tổ TK&VV</i>	3	
-	Tổ TK&VV bầu Ban quản lý Tổ theo đúng qui định (Tổ đến 15 thành viên bầu 1 người làm tổ trưởng; Tổ có trên 15 thành viên, Ban quản lý Tổ bầu từ 2-3 người), các thành viên Ban quản lý Tổ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công.	3	
-	Tổ TK&VV có Ban quản lý Tổ nhưng nhiệm vụ của Tổ do tổ trưởng thực hiện, các thành viên khác không thực hiện nhiệm vụ được phân công hoặc thực hiện không tích cực, nhiệt tình.	1	
-	Tổ TK&VV có trên 15 thành viên nhưng không bầu Ban quản lý Tổ, chỉ bầu 1 người làm tổ trưởng để thực hiện nhiệm vụ của Tổ	0	
1.3	<i>Số lượng thành viên của Tổ TK&VV</i>	2	
-	Tổ TK&VV có từ 5 đến 50 thành viên	2	
-	Tổ TK&VV có dưới 5 thành viên, Tổ TK&VV có trên 50 thành viên	0	
2	<i>Sinh hoạt Tổ và họp Tổ bình xét cho vay</i>	10	
2.1	<i>Sinh hoạt Tổ</i>	5	
-	Tổ TK&VV tổ chức sinh hoạt theo định kỳ (tháng) hoặc đột xuất khi cần giải quyết công việc phát sinh, mỗi lần sinh hoạt có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự (có Sổ ghi Biên bản họp).	5	
-	Tổ TK&VV tổ chức sinh hoạt không đúng định kỳ (tháng) hoặc tổ chức sinh hoạt theo định kỳ	3	

	nhưng mỗi lần sinh hoạt có ít hơn 2/3 số thành viên tham dự (có Sổ ghi Biên bản họp).		
-	Tổ TK&VV không tổ chức sinh hoạt theo định kỳ	0	
2.2	Hợp Tổ TK&VV bình xét cho vay	5	
-	Mỗi lần cho vay Tổ TK&VV tiến hành họp Tổ bình xét cho vay công khai, dân chủ, lựa chọn thành viên đề nghị cho vay đúng đối tượng.	5	
-	Mỗi lần cho vay Tổ TK&VV không tổ chức họp Tổ bình xét cho vay hoặc có tổ chức họp Tổ bình xét cho vay nhưng không công khai, dân chủ, xét đề nghị cho vay mang tính bình quân, cảm tính, cho vay sai đối tượng thụ hưởng.	0	
3.	Giám sát sử dụng vốn vay	10	
-	Ban quản lý tổ có thực hiện giám sát việc sử dụng vốn vay trước và trong khi cho vay được 100% số hộ vay vốn.	10	
-	Ban quản lý tổ thực hiện giám sát việc sử dụng vốn vay trước và trong khi cho vay được 50% số hộ vay vốn.	5	
-	Ban quản lý tổ thực hiện giám sát việc sử dụng vốn vay trước và trong khi cho vay dưới 50% số hộ vay vốn.	3	
4	Tỷ lệ thu lãi trong kỳ của Tổ TK&VV	15	
-	Tỷ lệ thu lãi trong kỳ từ 95% trở lên	15	
-	Tỷ lệ thu lãi trong kỳ từ 80% đến dưới 95%	12	
-	Tỷ lệ thu lãi trong kỳ từ 70% đến dưới 80%	9	
-	Tỷ lệ thu lãi trong kỳ từ 50% đến dưới 70%	6	
-	Tỷ lệ thu lãi trong kỳ dưới 50%	3	
5	Tỷ lệ nợ quá hạn của Tổ TK&VV	15	
-	Tỷ lệ nợ quá hạn đến 1%	15	
-	Tỷ lệ nợ quá hạn trên 1% đến 3%	10	
-	Tỷ lệ nợ quá hạn trên 3% đến 4%	8	
-	Tỷ lệ nợ quá hạn trên 4% đến 6%	5	
-	Tỷ lệ nợ quá hạn trên 6% đến 10%	3	
-	Tỷ lệ nợ quá hạn trên 10%	0	
6	Nợ xâm tiêu, chiếm dụng	10	
-	Tổ TK&VV không có nợ xâm tiêu, chiếm dụng	10	
-	Tổ TK&VV có nợ xâm tiêu, chiếm dụng do nhận bàn giao từ các Hội đoàn thể và Tổ khác nhưng có thu hồi nợ được thường xuyên	8	
-	Tổ TK&VV có nợ xâm tiêu, chiếm dụng do nhận bàn giao từ các Hội đoàn thể và Tổ khác nhưng chưa đôn đốc thu hồi nợ.	5	
-	Tổ TK&VV có nợ xâm tiêu, chiếm dụng	0	
7	Hoạt động gửi tiền tiết kiệm của Tổ	10	

-	Tổ có từ 80% số thành viên trở lên gửi tiền tiết kiệm	10	
-	Tổ có từ 70% đến dưới 80% số thành viên gửi tiền tiết kiệm	8	
-	Tổ có từ 60% đến dưới 70% số thành viên gửi tiền tiết kiệm	6	
-	Tổ có từ 50% đến dưới 60% số thành viên gửi tiền tiết kiệm	4	
-	Tổ có dưới 50% số thành viên gửi tiền tiết kiệm	2	
-	Tổ TK&VV không có thành viên gửi tiền tiết kiệm	0	
8	Số dư tiền gửi tiết kiệm bình quân hộ tăng thêm hàng tháng trong kỳ.	5	
-	Tổ có số dư tiền gửi tiết kiệm bình quân hộ tăng thêm hàng tháng trong kỳ từ 40.000 đồng trở lên.	5	
-	Tổ có số dư tiền gửi tiết kiệm bình quân hộ tăng thêm hàng tháng trong kỳ từ 30.000 đến dưới 40.000 đồng.	4	
-	Tổ có số dư tiền gửi tiết kiệm bình quân hộ tăng thêm hàng tháng trong kỳ từ 20.000 đến dưới 30.000 đồng.	3	
-	Tổ có số dư tiền gửi tiết kiệm bình quân hộ tăng thêm hàng tháng trong kỳ từ 10.000 đến dưới 20.000 đồng.	2	
-	Tổ có số dư tiền gửi tiết kiệm bình quân hộ tăng thêm hàng tháng trong kỳ dưới 10.000 đồng.	1	
-	Tổ TK&VV có số dư tiền gửi tiết kiệm giảm so với đầu kỳ hoặc không có số dư tiền gửi tiết kiệm.	0	
9	Thực hiện giao dịch xã và tham dự họp giao ban hàng tháng tại điểm giao dịch xã	10	
-	Đại diện BQL Tổ TK&VV đến giao dịch với Ngân hàng tại nơi giao dịch đầy đủ, đúng lịch giao dịch qui định hàng tháng. Tham dự đầy đủ tất cả các buổi họp giao ban hàng tháng được tổ chức trong kỳ tại nơi giao dịch.	5	
-	Tổ TK&VV đến giao dịch với Ngân hàng tại nơi giao dịch theo lịch giao dịch qui định và tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng được tổ chức trong kỳ tại nơi giao dịch từ 50% số buổi trong kỳ trở lên	3	
-	Tổ TK&VV đến giao dịch với Ngân hàng tại nơi giao dịch theo lịch giao dịch qui định hàng tháng và tham gia họp giao ban dưới 50% số buổi giao dịch trong kỳ.	2	
-	Tổ TK&VV không đến giao dịch với Ngân hàng	0	

	tại nơi giao dịch.		
10	Lưu giữ hồ sơ, ghi chép các loại mẫu biểu, sổ sách theo qui định của Ngân hàng	5	
-	Tổ lưu giữ đầy đủ các loại hồ sơ, mẫu biểu theo qui định của Ngân hàng và ghi chép rõ ràng, cập nhật các nội dung qui định trong các hồ sơ, mẫu biểu lưu tại Tổ, hộ vay.	5	
-	Tổ lưu giữ đầy đủ các loại hồ sơ, mẫu biểu theo qui định của Ngân hàng nhưng việc ghi chép các nội dung trong các hồ sơ, mẫu biểu lưu tại Tổ, hộ vay không rõ ràng, chính xác.	3	
-	Tổ lưu giữ không đầy đủ các loại hồ sơ, mẫu biểu theo qui định của Ngân hàng nhưng các mẫu biểu được lưu giữ ghi chép các nội dung rõ ràng, chính xác.	3	
-	Tổ lưu giữ không đầy đủ các loại hồ sơ, mẫu biểu theo qui định của Ngân hàng và ghi chép các nội dung trong các mẫu biểu không rõ ràng, chính xác.	0	
	Cộng	100	

II. Thang điểm xếp loại Tổ TK&VV

TT	Thang điểm xếp loại	Xếp loại Tổ TK&VV
1	Từ 85 đến 100 điểm	Tốt
2	Từ 70 đến 84 điểm	Khá
3	Từ 50 đến 69 điểm	Trung bình
4	Dưới 50 điểm	Yếu kém

III. Kết quả xếp loại Tổ TK&VV: Xếp loại:.....

Đại diện Hội đoàn
thể cấp xã
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ
tên)

Ngày..... tháng.... năm

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ Ngân hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục hướng dẫn tính toán một số chỉ tiêu chấm điểm

1. Tỷ lệ thu lãi trong kỳ

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \text{thu lãi} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Số lãi thực thu trong kỳ}}{\text{Số lãi phải thu trong kỳ}} \times 100\%$$

2. Tỷ lệ nợ quá hạn: Tính tại thời điểm cuối kỳ

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = (\text{Nợ quá hạn cuối kỳ} : \text{Tổng dư nợ cuối kỳ}) \times 100\%.$$

3. Số thành viên của Tổ gửi tiền tiết kiệm

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ số thành viên của} \\ \text{Tổ gửi tiền tiết kiệm} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Số thành viên gửi} \\ \text{tiết kiệm cuối kỳ} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Số thành viên của} \\ \text{Tổ cuối kỳ} \end{array} \right] \times 100\%$$

4. Số dư tiền gửi tiết kiệm bình quân hộ tăng thêm hàng tháng trong kỳ

$$\begin{array}{l} \text{Số dư tiền gửi tiết kiệm} \\ \text{bình quân hộ tăng thêm} \\ \text{hàng tháng trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Số dư TGTK cuối kỳ} - \text{Số dư TGTK đầu kỳ}}{\text{Số tháng trong kỳ} \times \text{Số hộ gửi tiết kiệm cuối kỳ}}$$

Amh